

ký lại có yếu tố nước ngoài" vào cột "Ghi chú" của các loại sổ nói trên.

Trong trường hợp cần xác minh thêm, thì thời hạn kéo dài không quá 7 ngày.

Đối với việc đăng ký lại kết hôn, nhận nuôi con nuôi, khi trao Giấy chứng nhận kết hôn, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi, các bên đương sự phải có mặt để cùng ký vào Sổ và Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Sổ và Giấy công nhận việc nuôi con nuôi.

#### Chương V

### GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

**Điều 92.** Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân, tổ chức liên quan đến việc đăng ký hộ tịch

1. Công dân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc từ chối đăng ký hoặc đăng ký hộ tịch trái pháp luật.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thủ tục quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

**Điều 93.** Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền trong việc quản lý và đăng ký hộ tịch

Người có thẩm quyền trong việc đăng ký và quản lý hộ tịch mà do thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc cố ý làm trái với các quy định của Nghị định này và các văn bản pháp luật khác về hộ tịch, thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Điều 94.** Xử lý đối với cá nhân, tổ chức vi phạm các quy định của Nhà nước trong đăng ký hộ tịch

Cá nhân, tổ chức có trách nhiệm phải đi đăng ký hộ tịch mà không thực hiện đúng theo các quy định của Nghị định này, hoặc có hành vi gian dối khi đăng ký hộ tịch, thì tùy mức độ vi phạm có thể bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

#### Chương VI

### ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

**Điều 95.** Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày

kể từ ngày ký, và thay thế Điều lệ đăng ký hộ tịch ban hành kèm theo Nghị định số 04/CP ngày 16/01/1961 của Chính phủ. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

**Điều 96.** Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

**Điều 97.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 193/1998/QĐ-TTg ngày 01/10/1998 về bãi bỏ 9 Quyết định thành lập các tổ chức liên ngành.**

#### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bãi bỏ các quyết định sau đây:

1- Quyết định số 205/CT ngày 28/5/1984 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về thành lập Tiểu ban nghiên cứu thêm lục địa Việt Nam.

2- Quyết định số 05/CT ngày 12/1/1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về thành lập Tổ chỉ đạo soạn thảo dự án luật mới về các loại thuế.

3- Quyết định số 50/CT ngày 04/3/1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về thành lập Ban nghiên cứu khai thác vùng bán đảo Cà Mau.

4- Quyết định số 42/CT ngày 08/2/1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về thành lập Hội đồng thẩm tra cấp Nhà nước về tổng sơ đồ phát triển diện lục Việt Nam giai đoạn 1991 - 1995.

5- Quyết định số 62/CT ngày 01/3/1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về thành lập Ban chỉ đạo quy hoạch và xây dựng thủ đô Hà Nội.

6- Quyết định số 113/CT ngày 06/4/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về thành lập Hội đồng nghiệm thu Nhà nước công trình hệ thống tải điện 500 KV Bắc - Nam.

7- Quyết định số 109/TTg ngày 22/3/1993 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Tổ nghiên cứu đề án xử lý nợ nước ngoài và tài sản nước ngoài tại Việt Nam.

8- Quyết định số 183/TTg, ngày 16/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng xét thầu Quốc gia.

9- Quyết định số 425/TTg ngày 24/8/1993 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng cấp Nhà nước thẩm định và phê duyệt sơ đồ công nghệ khai thác và xây dựng mỏ Bạch Hổ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHÁI

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ  
số 194/1998/QĐ-TTg ngày 01/10/1998**

## **về việc bổ sung danh mục khu công nghiệp đầu tư đến năm 2000.**

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24/4/1997 của Chính phủ;*

*Xét các tờ trình của Ủy ban nhân dân các tỉnh: Hà Nam (số 64/TT-VP6 ngày 26/2/1998), Ninh Bình (số 36/TT-UB ngày 25/10/1997), Gia Lai (số 458/CV-UB ngày 17/7/1997), Kon Tum (số 04/TT-UB ngày 05/2/1998), Đắk Lắk (số 336/CV-UB ngày 27/2/1998) và An Giang (số 851/TT-UB ngày 24/6/1997); các tờ trình số 4784/BKH-QLDA ngày 05/8/1997, số 336/BKH-KCN ngày 17/1/1998 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và đề nghị của Trưởng Ban quản lý các Khu công nghiệp Việt Nam,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bổ sung các Khu công nghiệp sau đây vào danh mục các Khu công nghiệp được đầu tư thành lập đến năm 2000 tại Quyết định số 519/TTg ngày 06/8/1996:

1. Khu công nghiệp Đồng Văn (Hà Nam)
2. Khu công nghiệp Tam Điệp (Ninh Bình)
3. Khu công nghiệp Trà Đa (Gia Lai)
4. Khu công nghiệp Hòa Bình (Kon Tum)
5. Khu công nghiệp Tâm Thắng (Đắk Lắk)
6. Khu công nghiệp Vàm Cống (An Giang).

**Điều 2.** Căn cứ vào danh mục các khu công nghiệp được bổ sung trên đây, Ủy ban nhân dân các tỉnh có liên quan tổ chức, chỉ đạo việc lập báo cáo khả thi trình Thủ tướng Chính phủ xét duyệt theo quy định hiện hành. Khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi, làm rõ những vấn đề nêu tại Điều 4 của Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24/4/1997 của Chính phủ.

09664787